

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/02/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	19	0		15	0	
2		TD3+CI	7:25	7+15	0+0		4+16	0+0	
3		PPD+TD2	7:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
4		CTK3+RC5+RCDM	7:25	18+4+0	0+0+0		18+0+1	0+0+0	
5		CTK3+AMD	9:25	5+17	0+0		5+12	0+0	
6		BK4+GTCL+TD5	9:25	11+10	0+0		0+7+3	0+0	
7		RP3+BK16+BK5	9:25	4+9+9	0+0+0		0+7+0	0+0+0	
8		PPD+CTK3+BK14	11:25	6+14+2	0+0+0		4+3+0	0+0+0	
9		CI	11:25	22	0		18	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY CI:-2NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:25
FLIGHT: 01	TO: T.UNG	CREW: Toàn - TRƯỞNG	ETA: 10:40
XANH-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH HIEU NGHIA	T.UNG	08	1	10		77	PVD	Vietnamese
2	NGUYEN DUY TUAN	T.UNG	11	1	5		81	PVD	Vietnamese
3	VÔ TUAN MẠNH	T.UNG					65	PVD	Vietnamese
4	ZELENSKI	T.UNG	02	1	4		77	KH-THAC	Russian
5	PHẠM GIAP TRI	T.UNG	14	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN THI	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN QUANG HOA	T.UNG	12	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	KIEU XUAN TAM	T.UNG	07	1	5	70	75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO DUY TỬ	T.UNG	10,13	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN TRỌNG	T.UNG	09	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG					63	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ DUY DŨNG	T.UNG	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ HUNG TUAN	T.UNG	05	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH HAI	T.UNG	03	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ MINH HỘI	T.UNG	15	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ ĐẶNG THANH	T.UNG	16	1	3		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN QUANG	T.UNG					67	PSV	Vietnamese
18	PHẠM HUNG SƠN	T.UNG	06	1	3		60	PSV	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC TUÂN	T.UNG	04	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	16	78	1.334	70	15		
	TOTAL	19	16	78	1.334	70	15		
	WEIGHT KG			78	1.334	70			

GRAND TOAL: 1.482 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: TD3 - CLI	CREW: Nam - ĐNam - Luy	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TIÊN	TD3	36	1	8	40	67	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG ĐÌNH HUY	TD3	38-39	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ BA THUẬN	TD3	37	1	14		68	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ MINH ĐỨC	TD3	41	1	17	35	85	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN QUANG VŨ	TD3	47	1	19		76	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THAI SƠN	TD3	40	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
7	GEFTMAN M.R	CLI				70	105	KH-THAC	Russian
8	SABITOV A.A	CLI					80	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN CÔNG LAM	CLI	06	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
10	DUCHENKO A.L.	CLI	80	1	4		128	KH-THAC	Russian
11	KHAVANJAN R.I.	CLI	81	1	8		75	KH-THAC	Russian
12	HUYNH KIM KHANH	CLI	09	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI	10	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THANH CÔNG	CLI	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG TUYẾN	CLI					66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC THĂNG	CLI	04-05	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG SOAI	CLI	02	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG HAI	CLI	03	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC DUNG	CLI	87,01	2	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	CHU VĂN VƯƠNG	CLI	82-83	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	07-08	2	9		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	6	7	79	436	75	4		
2	CLI	15	16	88	1.172	70	16		
TOTAL		21	23	167	1.608	145	20		
WEIGHT KG				167	1.608	145			

GRAND TOAL: 1.920 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: PPD - TD2	CREW: PHÚ - Cường - TDUNG	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH LÊ THIÊN CHÍNH	PPD	92	1	6	70	69	KHI	Vietnamese
2	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	88	1	5		69	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH HÙNG	PPD	93	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	99	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN HOÀI BAO	PPD	95-96	2	8		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	300	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM LÊ DUƠNG	PPD	91	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	47	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD					60	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	PPD	94	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH DUY NAM	PPD	44	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TÂN	PPD	42	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC ANH	PPD	89	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHÙNG PHÚ SỮA	PPD	87	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD					61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH THẮNG	PPD	43	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	PPD	98	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯỜNG TRÍ DUNG	PPD	97	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
19	LƯƠNG VĂN TĂNG	PPD	45-46	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	49	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÌNH VĂN HAI	PPD	48	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
22	LÂM TRỌNG ĐẠI	PPD	90	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	22	111	1.504	70	19		
2	TD2	0	0	0	0	25	3		
TOTAL		22	22	111	1.504	95	22		
WEIGHT KG				111	1.504	95			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 04	TO: CTK3 - RC5 - RCDM	CREW: Khang - CHIẾN - Năm	ETA: 09:15
vang-1			

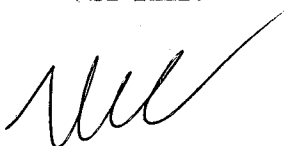
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐAI	CTK3	52	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SAU	CTK3	53	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY HÀ	CTK3	58	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN DƯ	CTK3	56	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	64	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	54	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI KHÁC PHONG	CTK3	55	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HIẾN	CTK3	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH NHỎ HOANG	CTK3	50-51	2	12		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	46	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI HỮU HUÂN	CTK3	57	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA HUỆ	CTK3	60	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ THÀNH CHUNG	CTK3	62	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	61	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	47	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐAM VĂN THANH	CTK3	63	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC CUÔNG	CTK3	59	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CẢNH HÙNG	CTK3	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ NGỌC TỬ	RC5	51	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN QUY	RC5	47	1	7	68	78	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÌNH VĂN TÂM	RC5	54	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TÂN PHONG	RC5	48	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	18	19	110	1.292	20	18		
2	RC5	4	4	41	271	68	0		
3	RCDM	0	0	0	0	40	1		
TOTAL		22	23	151	1.563	128	19		
WEIGHT KG				151	1.563	128			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: CTK3 - AMD	CREW: Nam - VLin - Luy	ETA: 11:10
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC KHIÊM	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TÚ ANH	CTK3	97	1	4	20	65	KH-THAC	Vietnamese
3	BÙI SỸ LONG	CTK3	68	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH HAI	CTK3	70	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ THANH HAI	AMD	94	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	91	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC TUÂN	AMD	96-97	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	51	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGHIỆP	AMD	95	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TÀNG XUÂN HAI (PVD)	AMD	92	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
12	PHI MẠNH HAI	AMD	95	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	AMD	90	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH DŨNG	AMD	94	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	DUƠNG CÔNG TÂN	AMD	93	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN KHANH	AMD	98	1	7	60	60	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO KINH THAO	AMD	92-93	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HUY ĐÌNH	AMD	290-291	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LUƠNG	AMD	99	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ XUÂN TUÂN	AMD	87-88	2	12		56	KH-THAC	Vietnamese
22	NGO VĂN BẠC	AMD	89	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	5	4	23	340	20	5		
2	AMD	17	21	144	1.145	60	15		
TOTAL		22	25	167	1.485	80	20		
WEIGHT KG				167	1.485	80			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: BK4 - GTC1 - TD5	CREW: PHÚ - Cương - TDUNG	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN ĐOÀN	BK4	14	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐINH VĂN THIÊN	BK4	12-13	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH THẠCH	BK4	06-07	2	14		74	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN BỘ	BK4	08-09	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
5	LE DINH DO	BK4	19-20	2	18	30	70	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN MINH DUNG	BK4	04-05	2	14		67	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ QUY ĐÓN	BK4	01-02	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRƯƠNG CHÍ THANH	BK4	03	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐINH TRỌNG KIẾN	BK4	16	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG THANH	BK4	10-11	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN DINH ĐỨC	BK4	15	1	4		75	PSV	Vietnamese
12	VALERII	GTC1	18	1	5		69	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	41	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ TRUNG KIẾN	GTC1	39	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN BÁC	GTC1	46	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	GTC1	45	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TÙNG	GTC1	90-91,03	3	18		68	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG PHÚC	GTC1	29,38	2	15		88	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LÂM	GTC1	44	1	8		76	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC ANH	GTC1	42-43	2	10		68	CODIEN	Vietnamese
21	NGO TRUNG LUYẾN	GTC1	47	1	4	36	70	PSV	Vietnamese
22	DUONG THE DUC	TD5	03	1	8		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	11	18	154	772	30	0		
2	GTC1	10	14	88	707	36	7		
3	TD5	1	1	8	70	0	3		
TOTAL		22	33	250	1.549	66	10		
WEIGHT KG				250	1.549	66			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	TO: RP3 - BK16 - BK5	CREW: Khang - CHIẾN - Năm	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IUKHIMCHUCK	RP3	90	1	9		85	KH-THAC	Russian
2	LAI ANH TUAN	RP3	61-62	2	14		98	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	63	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN GIA CUONG	RP3	64	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN HUNG	BK16					80	KH-THAC	Vietnamese
6	LE MINH THANG	BK16	75-76	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LUU DUC TUAN	BK16	66	1	2		87	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG HUU SON	BK16	67	1	5	28	77	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG TRỌNG BAI	BK16	59	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
10	LE HONG LINH	BK16	60	1	8	84	78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC HUNG	BK16	68	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH BINH	BK16	58	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN XUAN HOA	BK16					70	PSV	Vietnamese
14	PHAM VAN CHINH	BK5	28	1	11	12	72	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC LONG	BK5	33	1	18		59	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỖ NGỌC TÂM	BK5	25	1	10		88	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG QUANG HUNG	BK5	34-35	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN THANG	BK5	31-32	2	16		57	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN DUC LOI	BK5	27	1	17	8	63	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TAN	BK5	26	1	17		52	XAYLAP	Vietnamese
21	LE VAN VUONG	BK5	30	1	10		77	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TUAN	BK5	29	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	4	5	42	320	0	0		
2	BK16	9	8	49	653	112	7		
3	BK5	9	11	126	609	20	0		
TOTAL		22	24	217	1.582	132	7		
WEIGHT KG				217	1.582	132			

GRAND TOAL: 1.931 KGS

VSP REP

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	TO: PPD - CTK3 - BK14	CREW: Nam - VLinH - Toan	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	56	1	3	60	65	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI NGOC DUNG	PPD	58	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HUY MẠNH	PPD	57	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU LONG	PPD	59	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THIÊN NAM	PPD	55	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TUẤN VIỆT	PPD	54	1	5		80	KHI	Vietnamese
7	VŨ HỮU HÀ	CTK3	40	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	43	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					76	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	38	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MUỘI	CTK3	42	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	41	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	HUỶNH BA NINH	CTK3	37	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ XUÂN TÂM	CTK3	34	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN BẬU	CTK3	39	1	5		62	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH PHỤNG	CTK3	36	1	9		64	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	35	1	6		71	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU NHÂN	CTK3	44,71	2	10		82	NIPI	Vietnamese
20	ĐẶNG SỰ	BK14	95-96	2	15	20	80	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN DANH TRUNG	BK14	97,30	2	10		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	6	6	42	428	60	4		
2	CTK3	13	12	78	923	0	3		
3	BK14	2	4	25	150	20	0		
TOTAL		21	22	145	1.501	80	7		
WEIGHT KG				145	1.501	80			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	TO: CLI	CREW: TTrung - Khang - Năm	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI QUỐC HUNG	CLI	22	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN VU	CLI	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TUAN	CLI	10	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN DÂN	CLI	11	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ LAM ĐIỀN	CLI	15-16	2	6		75	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG ĐÌNH HUÂN	CLI	14	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG MẠNH THẮNG	CLI	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRỊNH TIẾN BÌNH	CLI	06	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ HAI HẬU	CLI	19	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH THẾ ANH	CLI	27-28	2	9	80	76	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG MINH TÂM	CLI	20-21	2	7		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TÂN HẬU	CLI	08	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NHẬT MINH	CLI	04-05	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN MINH DUY	CLI	09	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN BÌNH	CLI	01-02	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG TRỌNG CHUNG	CLI	17-18	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THANH HAI	CLI	13	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TẠ THANH QUANG	CLI	03	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	23	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HOÀNG QUỐC TÂM	CLI	25-26	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI VĂN HUY	CLI	24	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH LÊ	CLI	33	1	4		65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	29	150	1.544	80	18		
TOTAL		22	29	150	1.544	80	18		
WEIGHT KG				150	1.544	80			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+TD1+P4	7:25	3+16+3	0+0+0		2+16+0	0+0+0	
2		JS2+CLO	7:25	9+13	0+0		4+18	0+0	
3		JS2	9:25	22	0		19	0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CLO - TD1 - P4	CREW: TTrung - VThắng - Huy	ETA: 09:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH CUÔNG*TT	CLO					90	KHOAN	Vietnamese
2	SUKHOMLIN I.N	CLO	67	1	5		120	KHOAN	Russian
3	VU HAI LONG	CLO	68	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG ANH TUÂN*TT	TD1	01-02	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
5	VU VAN QUY	TD1	03	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	17	1	5	15	58	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	21,27	2	10	40	65	KHOAN	Vietnamese
8	TRINH HUY TOÀN	TD1	13-14	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	08	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG NGỌC SƠN	TD1	19-20	2	5		58	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	11	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN PHONG	TD1	09-10	2	5		66	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	15	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
14	HỒ VĂN HẬU	TD1	12	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN QUÂN-PVDT	TD1	16	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
16	VU VAN KIEN	TD1	06-07	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG MINH SƠN	TD1	18	1	10		80	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD1	04-05	2	17		65	DVL	Vietnamese
19	WAN HANAFI WAN HUSSAIN	TD1	28-30	3	17		70	SCHLUMB	Malaysian
20	NGUYỄN VĂN THUY	P4	85	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC DŨNG	P4	86	1	5	50	70	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC HÒA	P4	87-88	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	2	10	285	0	2		
2	TD1	16	25	135	1.081	55	16		
3	P4	3	4	35	200	50	0		
TOTAL		22	31	180	1.566	105	18		
WEIGHT KG				180	1.566	105			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: JS2 - CLO	CREW: Vận - NPhú - PTUẤN	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TIEN	JS2	28	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
2	CISCO FERMANDEZ	JS2	29,33	2	20		96	KHOAN	Indian
3	FERRY KURNIAWAN	JS2	61,56	2	15		75	KHOAN	Indonesian
4	NGUYEN MANH HUNG	JS2	81,66	2	20		70	KHOAN	Vietnamese
5	BUI VIET PHUONG	JS2	13	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TAM	JS2	64	1	8		50	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM THANH THONG	JS2	65,12	2	14		65	KHOAN	Vietnamese
8	LUONG THANH TUNG	JS2	62-63	2	14		60	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN TUAN NGHIA	JS2	11	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN KHANG	CLO	11	1	5	110	73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN LẬP QUỐC	CLO	09	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	03	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG TRƯỞNG	CLO	14	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC AN	CLO					75	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ VĂN QUYNH	CLO	05	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG TRUNG THÔNG	CLO	04	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG THANH MINH	CLO	10	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC LAI-PVDT	CLO	12	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN PHÚ*TD-PVDT	CLO	13	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN BA HUNG	CLO	02	1	9		80	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỀN	CLO	01	1	6		74	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC BAO	CLO	07-08	2	20	10	80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	9	14	106	620	0	4		
2	CLO	13	13	89	918	120	18		
TOTAL		22	27	195	1.538	120	22		
WEIGHT KG				195	1.538	120			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: JS2	CREW: TTrung - VThắng - Huy	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	26	1	5	50	75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	31	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC THUONG	JS2	87	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUC MANG	JS2	90	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
5	LE THANH NGOC	JS2	37	1	6		50	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC HAI	JS2	33	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN HOAI NIEM	JS2	86	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM NGOC BIEN	JS2	34	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN GIANG	JS2	22	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN ANH	JS2	25	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUANG NHAN	JS2	27	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN NGOC THUY	JS2	24	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN THANH TAM	JS2	89	1	12		54	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN LE DANG QUANG	JS2	29	1	13		88	KHOAN	Vietnamese
15	DO VAN HIEU	JS2	28	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
16	LUONG NGOC HOANG	JS2	23	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NAM	JS2	30	1	15		76	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN ĐỨC	JS2	84	1	10	90	79	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	JS2	59,78	2	14		64	KH-THAC	Vietnamese
20	THAI QUỐC CUÔNG	JS2	82	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC TRI	JS2	80	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

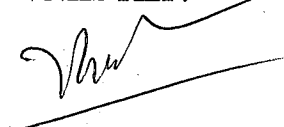
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	21	22	176	1.481	140	19		
	TOTAL	21	22	176	1.481	140	19		
	WEIGHT KG			176	1.481	140			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

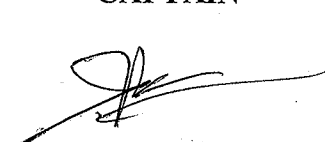
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		C/O	7:25	22	0		21	0	
2		P4+P5	7:25	22+0	0+0		10+5	0+0	
3		BK8+TD1	7:25	6+16	0+0		0+17	0+0	
4		RP3	9:25	22	0		11	0	
5		TD2	9:25	21	0		18	0	
6		RP3+PPD	9:25	6+16	0+0		0+14	0+0	
7		P2+TD1	11:25	10+12	0+0		0+8	0+0	
8		PPD+BK4	11:25	22+0	0+0		4+0	0+0	CHUYỂN 2 PPD BK4

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CLO	CREW: LHai - VTHU - TDUNG	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DATSKO P.D	CLO	82	1	12	20	105	KHOAN	Russian
2	PHAM VAN LAM	CLO	71	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN TRUNG THANH	CLO	80	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LOC	CLO	84	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN HUU SON	CLO	77	1	2		66	KHOAN	Vietnamese
6	VU NGOC LUAN	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
7	CHU DUC AI	CLO	76	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
8	MAI VAN HOI	CLO	87	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
9	DO THANH LIEM	CLO	85	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN TAM	CLO	75	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
11	NGHIEM XUAN VIET	CLO	89	1	15		68	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN TU	CLO	72	1	5		68	C.TY VINH	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TUAN	CLO	78	1	5		75	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN DUY DONG	CLO	79	1	7		66	PSV	Vietnamese
15	LE MINH MINH	CLO	73	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	HOANG HUU THU	CLO	69	1	5		75	PSV	Vietnamese
17	VU MANH HUONG	CLO	70	1	4		54	PSV	Vietnamese
18	LAI DINH HAI	CLO	74	1	5		84	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TUAN	CLO	83	1	2		75	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TUNG	CLO	90	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN THANH HAU	CLO	86	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN MANH TIEN	CLO	81	1	4		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

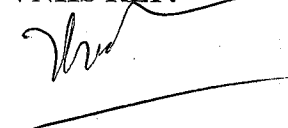
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	21	124	1.578	20	21		
	TOTAL	22	21	124	1.578	20	21		
	WEIGHT KG			124	1.578	20			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P4 - P5	CREW: Phong - VLin - Luy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÀNH TRUNG	P4	03	1	4		62	KHI	Vietnamese
2	BUI THANH AN	P4	400	1	5		67	KHI	Vietnamese
3	HOANG VAN HUNG	P4				45	75	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG KIEM	P4	32	1	5	35	80	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THAI	P4	34	1	4	40	70	KHI	Vietnamese
6	HOANG TRỌNG TÂN	P4	30	1	7		65	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	35	1	5		67	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ANH	P4	19	1	5		60	KHI	Vietnamese
9	DOÀN THANH CÔNG	P4	36-37	2	9		75	KHI	Vietnamese
10	TẠ VĂN QUYNH	P4	21	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	BUI ĐĂNG TIEN	P4	38	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH GIAP	P4	02	1	6		68	KHI	Vietnamese
13	HOANG THAI DUONG	P4					78	KHI	Vietnamese
14	PHẠM HỮU THO	P4	33	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	ĐO ĐỨC LONG	P4	05	1	3		52	KHI	Vietnamese
16	VŨ NGỌC CANH	P4	24	1	13		78	CODIEN	Vietnamese
17	DOÀN VIỆT ĐỒNG	P4	25-26	2	13		70	CODIEN	Vietnamese
18	HOANG VAN HONG	P4	17-18	2	17		82	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ QUỐC HUƠNG	P4	04	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN VĂN HANH	P4	39-40	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM MINH TRUNG	P4	20	1	10		87	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN DUY ANH	P4	22-23	2	11		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	25	161	1.563	120	10		
2	P5	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	25	161	1.563	120	15		
WEIGHT KG				161	1.563	120			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: BK8 - TD1	CREW: TUYỀN - Hạnh - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY DUƠNG	BK8	06	1	18		71	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC DANH	BK8	03-04	2	18	20	62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	BK8	07-08	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
4	VÔ TẠ HÙNG	BK8	98-99	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN PHÚC SANG	BK8	01-02	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC THẮNG	BK8	05	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
7	KLIUZHEV R.V	TD1	34	1	5		110	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD1	37	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	45	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VĂN MINH	TD1	36	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD1	46	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN HOÀN	TD1	44	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HAI*PK-PVD	TD1	38	1	7	60	77	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG VĂN DUY	TD1	40	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1					55	KHOAN	Vietnamese
18	BUI VĂN NINH	TD1					82	KHOAN	Vietnamese
19	EMEREEV	TD1	39	1	11		98	KHOAN	Russian
20	LÊ LONG	TD1	41-42	2	6		74	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN HÙNG QUÂN	TD1	43	1	8		71	D-HANH	Vietnamese
22	BUI TUẤN THANH	TD1	35	1	6		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

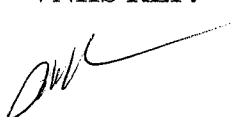
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	6	10	96	397	20	0		
2	TD1	16	13	72	1.160	60	17		
TOTAL		22	23	168	1.557	80	17		
WEIGHT KG				168	1.557	80			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

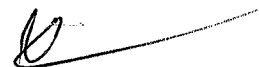
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: RP3	CREW: Lhài - VTHU - TDUNG	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TÂM	RP3	72	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3	71	1	4		82	KHI	Vietnamese
3	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3	70	1	5		68	KHI	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	85	1	5		71	KHI	Vietnamese
5	PANKRATOV P.E	RP3	77	1	6		91	KHI	Russian
6	BUI VĂN PHÚ	RP3	73	1	2		72	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					66	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN CHÍNH THỊ	RP3	91	1	3		77	KHI	Vietnamese
9	LÊ HOÀNG ANH	RP3	89	1	8		69	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP3	76	1	6		70	KHI	Vietnamese
11	TRỊNH XUÂN HUYỀN	RP3					72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	78-80	3	14		82	KHI	Vietnamese
13	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	84	1	7		76	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN BÌNH	RP3					65	KHI	Vietnamese
15	NG SẤY HỒNG	RP3	81-82	2	20	10	67	KHI	Singapore
16	NGUYỄN HỒNG KHANH	RP3	87	1	8		65	KHI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN QUÂN	RP3	88	1	4	105	75	KHI	Vietnamese
18	PHẠM TUÂN KHANG	RP3	90	1	8		58	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TẤT KHANH	RP3	92	1	14		75	PVDTRAI	Vietnamese
20	LAI TUÂN KÝ	RP3	86	1	6		105	PVDTRAI	Vietnamese
21	TRẦN VĂN BAO	RP3	75	1	10		74	PVDTRAI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HOÀNG	RP3	74	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	22	140	1.630	115	11		
	TOTAL	22	22	140	1.630	115	11		
	WEIGHT KG			140	1.630	115			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: TD2	CREW: Phong - VLin - Luy	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOROSHENKO M.K	TD2	10	1	8		92	KHOAN	Russian
2	LE MINH ĐỨC	TD2	07	1	6		92	KHOAN	Vietnamese
3	LE TUAN NGHIA	TD2	08	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
4	VU THAP TOAN	TD2					69	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN NAM	TD2					79	KHOAN	Vietnamese
6	VU ĐỨC THANH	TD2	05	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
7	HA VAN LINH	TD2	14	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
8	MAI ĐỨC THÂN	TD2	15	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH VĂN TÀI	TD2	02	1	6		52	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN CHI ĐỨC	TD2	04	1	6		54	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	03	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN THANH*CAM-PVDT	TD2	13	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN GIN	TD2	16	1	8	46	63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH TIẾN	TD2	09	1	8		95	KHOAN	Vietnamese
15	MAI HAI LONG	TD2	17	1	8		74	D-HANH	Vietnamese
16	LE XUAN TUNG	TD2	11-12	2	15		67	ANTOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD2	18	1	11		72	DVL	Vietnamese
18	LE HOAI THIEN	TD2	19	1	10		75	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY KHANG	TD2	06	1	4		86	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	18	123	1.398	46	18		
TOTAL		19	18	123	1.398	46	18		
WEIGHT KG				123	1.398	46			

GRAND TOAL: 1.567 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: RP3 - PPD	CREW: TUYỀN - Hạnh - Năm	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TÌNH	RP3	04-05	2	16		75	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ ANH TUÂN	RP3	06-07	2	8		70	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN HAI	RP3	03	1	10	135	70	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ NGỌC ANH	RP3	01	1	8		71	CODIEN	Vietnamese
5	CAO XUÂN DŨNG	RP3	02	1	11		65	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH SƠN	RP3	08	1	6		75	PSV	Vietnamese
7	LÂM QUANG NAM	PPD	71	1	6		80	KHI	Vietnamese
8	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	64	1	5		95	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	PPD	69	1	5		65	KHI	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	67	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	ĐINH NGỌC QUÝ	PPD	70	1	5		71	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	73	1	4		70	KHI	Vietnamese
13	BUI THANH HAI	PPD	65	1	3		60	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC ANH	PPD	76	1	7		73	KHI	Vietnamese
15	VÕ QUANG ĐẠT	PPD					60	KHI	Vietnamese
16	LÊ HỒNG PHONG	PPD	66	1	8	25	80	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	75	1	6		57	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	77	1	5		72	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	78	1	5		65	KHI	Vietnamese
20	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	68	1	5		80	KHI	Vietnamese
21	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	74	1	5		63	KHI	Vietnamese
22	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	72	1	5		63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	6	8	59	426	135	0		
2	PPD	16	15	79	1.124	25	18		
TOTAL		22	23	138	1.550	160	18		
WEIGHT KG				138	1.550	160			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	TO: P2 - TD1	CREW: Phong - NPhú - Toan	ETA: 13:30
XANH-3			

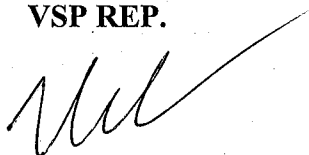
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÀNH TRUNG	P2	98	1	7		65	TECMACH	Vietnamese
2	VÕ VĂN ĐÔNG	P2	78	1	10	80	75	TECMACH	Vietnamese
3	NGUYỄN TÂN TÀI	P2	99	1	10	20	75	TECMACH	Vietnamese
4	ĐỖ LINH KHA	P2	100	1	5		60	TECMACH	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH CUÔNG	P2	31	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SANG	P2	29-30	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG NGỌC HOÀI	P2	28	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ TRUNG KIẾN	P2	97	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P2	32	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯƠNG DUONG	TD1	31	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN MINH	TD1					65	PSV	Vietnamese
12	ĐẶNG THỊ THANH	TD1					70	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	TD1	33	1	5		75	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN ĐÌNH TỰ	TD1	94	1	4		67	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1					55	PSV	Vietnamese
16	LÊ XUÂN TÌNH	TD1					95	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN TÀI	TD1	96	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	ĐÌNH KHẮC THẠCH	TD1					70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN BÀ HÙNG	TD1	93	1	10		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	TD1	32	1	5		63	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TUẤN HẢI	TD1	95	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HỮU	TD1	92	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

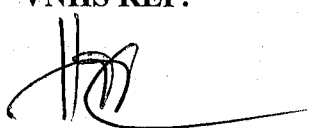
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	9	10	91	618	100	0		
2	TD1	13	8	44	897	0	8		
TOTAL		22	18	135	1.515	100	8		
WEIGHT KG				135	1.515	100			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

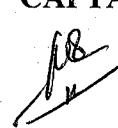
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:02
FLIGHT: 8	TO: PPD - BK4	CREW: Hạnh - MTuấn - MQUÂN	ETA: 13:40
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	04	1	5		72	KHI	Vietnamese
2	LÊ MINH PHỤNG	PPD	03	1	5		75	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THE HUNG	PPD					76	KHI	Vietnamese
4	HA THE BAO	PPD					77	KHI	Vietnamese
5	TRINH QUỐC THANH	PPD	13	1	8		95	KHI	Vietnamese
6	ĐẠO ANH TUẤN	PPD	33	1	4	40	62	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	07	1	12		54	KHI	Vietnamese
8	LÊ HUY VINH	PPD	06	1	10		64	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN MINH	PPD	14-15	2	15		77	T-TIN	Vietnamese
10	NGUYỄN SỸ HUA	PPD	10-12	3	15		56	T-TIN	Vietnamese
11	VŨ VĂN SƠN	PPD	29	1	11		59	TRUONGV	Vietnamese
12	BUI CONG THANH	PPD	05	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUI	PPD	24-25	2	12		71	TRUONGV	Vietnamese
14	LÊ MINH NGÀ	PPD	27-28	2	10		55	TRUONGV	Vietnamese
15	PHÙNG HOÀNG AN	PPD	22	1	6		60	TRUONGV	Vietnamese
16	LÊ VĂN TIẾN	PPD	18	1	5		50	TRUONGV	Vietnamese
17	CHAU THANH TUẤN	PPD	21	1	6		58	TRUONGV	Vietnamese
18	VI ĐỨC TỰ	PPD	16-17	2	12		62	TRUONGV	Vietnamese
19	NGUYỄN MỘNG LONG	PPD	26	1	12		73	TRUONGV	Vietnamese
20	LÊ THANH SƠN	PPD	19-20	2	10		60	TRUONGV	Vietnamese
21	CHAU VĂN ĐÌNH	PPD	23	1	5		63	TRUONGV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	26	178	1.399	40	4		CHUYEN 2 PAX PPD SANG BK4
2	BK4	0	0	0	0	23	0		
TOTAL		21	26	178	1.399	63	4		
WEIGHT KG				178	1.399	63			

GRAND TOAL: 1.640 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+TD2	7:25	3+19	0+0		0+13	0+0	
2		TD3+TD5+JS2	7:25	19+3+0	0+0+0		14+3+4	0+0+0	
3		P5	9:25	21	0		18	0	
4		P4+TD5	9:25	10+12	0+0		0+14	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	TO: PPD - TD2	CREW: Hôi - KHOAN - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN LUONG	PPD	34	1	8		58	KHI	Vietnamese
2	ĐO ĐÌNH TRƯỞNG	PPD	36-37	2	18		70	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN VIỆT	PPD	35	1	8		57	KHI	Vietnamese
4	VŨ MẠNH THĂNG	TD2	34	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC THỌ	TD2	24	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
6	BUI NGOC DUNG	TD2	39	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH ANH	TD2	28	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
8	NG QUỐC ĐOÀN*PK-PVD	TD2	42	1	9		55	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD2	33	1	9	62	75	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN MẠNH CƯỜNG	TD2	37-38	2	20		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGO VAN HUY	TD2	30	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM THANH GIANG	TD2	31	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO BA NAM	TD2	26	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ XUÂN TRƯỜNG	TD2	25	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
15	LUU ĐÌNH MINH	TD2	43-44	2	20		62	KHOAN	Vietnamese
16	HÀ KHUÔNG DUY	TD2	40-41	2	13		62	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ NGỌC LUÂN	TD2	29	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD2	36	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
19	MAI TUẤN KIẾT	TD2	35	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ HAI NGÂN	TD2	27	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
21	LAI CAO THANH	TD2	32	1	11		64	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ PHÁT THỊNH	TD2	23	1	7		94	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	3	4	34	185	0	0		
2	TD2	19	22	160	1.366	62	13		
TOTAL		22	26	194	1.551	62	13		
WEIGHT KG				194	1.551	62			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: TD3 - TD5 - JS2	CREW: Phong - N.Anh - PTUẤN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU QUYẾT THẮNG	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HUNG	TD3	50	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG HUY LONG	TD3	58	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	55	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ TỰ HỢP	TD3	57	1	3	25	70	KHOAN	Vietnamese
6	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	56	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
7	HOÀNG NGỌC NGHĨA	TD3	54	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	51	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	TD3	60	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TIẾN LỰC	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	59	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
12	PHÙNG VĂN XUYẾN	TD3	61	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
13	NG QUANG LINH*CAM-PVDT	TD3	52	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN MƯỜI	TD3	53	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
15	TẠ BA HOÀN	TD3	62	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
16	NGO DUY NGOC	TD3	66	1	13		62	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HUỆ	TD3	63	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ TRỌNG HIẾN	TD3	64-65	2	15		72	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN NGÔ HOÀN	TD3	48-49	2	16		65	YTE	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH THU*TT	TD5	06	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
21	TRỊNH HOÀNG KHÁNH	TD5	04	1	8	35	87	KHOAN	Vietnamese
22	HOÀNG XUÂN THI	TD5	05	1	7		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

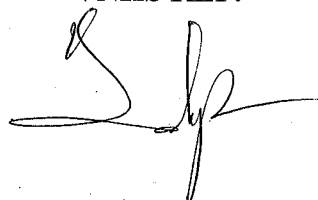
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	19	19	120	1.252	25	15		
2	TD5	3	3	20	224	35	3		
3	JS2	0	0	0	0	11	4		
TOTAL		22	22	140	1.476	71	22		
WEIGHT KG				140	1.476	71			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

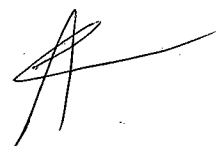
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 3	TO: P5	CREW: Hôi - KHOAN - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIẾP PHI	P5					78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN XUÂN	P5	32	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
3	VU CAO BĂNG	P5	35	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC DỤC	P5	25	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
5	HUYNH NGOC BINH*PK-PVD	P5	31	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P5	34	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	VU VĂN HOA	P5	36	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	P5	30	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGÂN	P5	38	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN HUY	P5	37	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
11	NG ĐÌNH CUONG*TĐ-PVDT	P5	45	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN SƠN	P5	24	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN TUÂN LONG	P5	26	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CHÂN	P5	22	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P5	23	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU THANH	P5	29	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TARGANOV	P5	33	1	7		92	ANTOAN	Russian
18	KRAVTSOV ALEXANDER	P5	27-28	2	20		74	DVL	Russian
19	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	P5	43-44	2	15		77	DVL	Vietnamese
20	ĐOÀN MINH HƯƠNG	P5	39-40	2	13		60	DVL	Vietnamese
21	PHẠM VĂN CƯỜNG	P5	41-42	2	17		87	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	21	24	145	1.467	0	18		
TOTAL		21	24	145	1.467	0	18		
WEIGHT KG				145	1.467	0			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: P4 - TD5	CREW: Phong - N.Anh - PTUẤN	ETA: 11:20
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN BẠN	P4	35	1	8		68	KHI (PVE)	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN HUNG	P4	39	1	4		50	KHI (PVE)	Vietnamese
3	TRẦN VĂN SƠN	P4	41	1	5		52	KHI (PVE)	Vietnamese
4	KIỀU VĂN NGHIỆP	P4	36	1	7		58	KHI (PVE)	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN CUÔNG	P4	38	1	5		68	KHI (PVE)	Vietnamese
6	BUI AN	P4	40	1	9		74	KHI (PVE)	Vietnamese
7	TÔ ĐÌNH CÔNG	P4	42	1	6		50	KHI (PVE)	Vietnamese
8	PHẠM MINH CUÔNG	P4	37	1	4		64	KHI (PVE)	Vietnamese
9	HOANG VĂN KHAI	TD5	09	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	79	1	4		87	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	73	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ TIẾN DŨNG	TD5	74	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HUY TIẾN HẢI	TD5					67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANH VU	TD5	75	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG NGOC DANH	TD5	76	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NGA	TD5	77	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
17	LƯU XUÂN HANH*CAM-PVDT	TD5	78	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	81-82	2	18		74	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM TÙNG VY	TD5	72	1	10		67	DVL	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN THỊNH	TD5	80	1	4		46	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

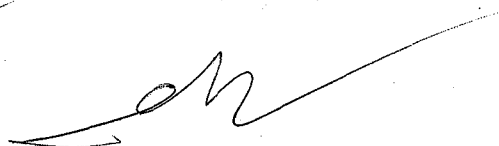
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	8	48	484	0	0		
2	TD5	12	12	67	795	0	14		
TOTAL		20	20	115	1.279	0	14		
WEIGHT KG				115	1.279	0			

GRAND TOAL: 1.394 KGS

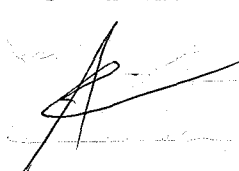
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPEIRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD5+RP3	7:25	7+13+1	0+0+0		7+13+1	0+0+0	1 NGUOI OM
2		TD3+RP1+RC5	7:25	11+0+11	0+0+0		6+0+0	0+0+0	CHUYEN 1 RP1 RC5
3		P3+P4	9:25	6+16	0+0		0+0	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD3 - TD5 - RP3	CREW: TUYỀN - TTrung - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

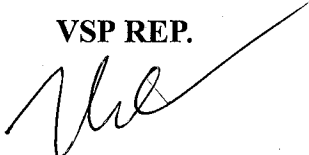
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GUSHEYNOV M.A	TD3	90-91	2	9		80	KHOAN	Russian
2	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	93	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ ANH HIẾU	TD3	95	1	15		60	SCHLUMB	Vietnamese
4	NGUYỄN NAM CUÔNG	TD3	96	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ ANH XUÂN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN THƯỜNG	TD3	94	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
7	BUI HUU VŨNG	TD3	92	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
8	ALEKSANDEROV A.A	TD5	83	1	6		79	KHOAN	Russian
9	GONCHAROV S.A	TD5	13	1	10		94	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	14	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	17-18	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	19	1	2		64	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ THANH TUNG*PK-PVD	TD5	10	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	100	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	11	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỞNG THIÊN	TD5	21	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIỆN	TD5	84	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC CUÔNG*TN-PVD	TD5	15-16	2	15		63	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THỜI	TD5	20	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	TD5	12	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CUÔNG	RP3	99,400	2	14		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	7	7	50	513	0	7		
2	TD5	13	15	92	935	0	13		
3	RP3	1	2	14	78	0	1		
TOTAL		21	24	156	1.526	0	21		
WEIGHT KG				156	1.526	0			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

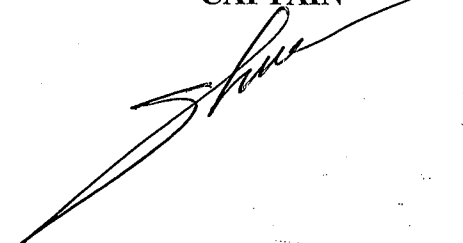
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD3 - RP1 - RC5	CREW: Nam - NPhú - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VĂN KIỂM	TD3	76	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
2	CHU VĂN THẮNG	TD3	69	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
3	LUU VAN SON	TD3	74	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN HAI NAM	TD3					58	KHOAN	Vietnamese
5	ĐO VĂN HÙNG*PK-PVD	TD3	72-73	2	14		62	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ THẾ HÙNG	TD3	80	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HỮU HÙNG	TD3	79	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD3	78	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUANG HÙNG	TD3	75	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN LÂM GIANG	TD3	77	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
11	KARIMOV TAGIR	TD3	70-71	2	8		87	D-HANH	Russian
12	PHẠM VĂN MAI	RC5	69	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ KHÁC PHƯƠNG	RC5	67-68	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VIỆT HÙNG	RC5	65-66	2	18	17	71	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ HỒNG LONG	RC5	57-58	2	16		76	XAYLAP	Vietnamese
16	TRƯỜNG THẾ HUY	RC5	62-63	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐÀO ĐÌNH CUÔNG	RC5	55	1	8		77	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN HÙNG	RC5	70	1	14		55	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁC THO	RC5	61	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM THANH NAM	RC5	56	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ QUỐC TUÂN	RC5	59-60	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐÌNH VĂN LƯU	RC5	64	1	7		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	11	12	80	768	0	6		CHUYEN 01 PAX TU RP1 SANG RC5
2	RP1	0	0	0	0	0	0		
3	RC5	11	16	157	727	17	4		
TOTAL		22	28	237	1.495	17	10		
WEIGHT KG				237	1.495	17			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 03	TO: P3 - P4	CREW: Nam - NPhú - Huy	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐỨC	P3	39	1	5		74	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC KHOA	P3	42	1	10		88	CODIEN	Vietnamese
3	ĐO XUAN LINH	P3	40-41	2	10		80	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ HUY BÁC	P3	44-45	2	12		70	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀI NAM	P3	43	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
6	VÔ TIỀN PHỤNG	P3	46-47	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ ANH TUẤN	P4	97	1	10	42	64	CODIEN	Vietnamese
8	KIM NHẬT THÀNH	P4	49	1	4		67	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HUY	P4	50	1	3		65	CODIEN	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	P4	52	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
11	VŨ MINH TUẤN	P4	93	1	5		82	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CAO	P4	53	1	13		66	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LÊM	P4	92	1	6		67	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	P4	45	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
15	HOANG HUU TRONG	P4	51	1	9		65	CODIEN	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN GIANG	P4	94	1	6		69	CODIEN	Vietnamese
17	NÔNG MINH HAI	P4	47	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	P4	95-96	2	6		55	CODIEN	Vietnamese
19	PHUNG BA DE	P4	43	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HOANG	P4	48	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
21	CHU TUẤN ANH	P4	46	1	7		73	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN TIỀN HỒNG	P4	44	1	5		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	6	9	62	452	0	0		
2	P4	16	17	116	1.080	42	0		
TOTAL		22	26	178	1.532	42	0		
WEIGHT KG				178	1.532	42			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN